

Bản án số: 18/2022/KDTM-ST

Ngày: 22-4-2022

V/v tranh chấp hợp đồng cung cấp
và sử dụng dịch vụ bảo vệ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Phương Lan

Ông Võ Thành Viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 86/2019/TLST-KDTM ngày 18 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo vệ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐST-KDTM ngày 24 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐST-KDTM ngày 24 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ A; trụ sở: Đường V, Phường X, Quận T, Thành phố H.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim D, theo giấy ủy quyền số 01/UQ-BAS ngày 21/11/2019, (Có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn B; trụ sở: Đường X, Khu dân cư L, Phường Z, quận G, Thành phố H.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị Hồng T, là giám đốc công ty, người đại diện theo pháp luật; địa chỉ của bà Thúy: Phường L, quận Đ, Thành phố N, (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ; trụ sở: Đường Q, phường T, quận K, Thành phố N; địa chỉ chi nhánh: Đường P, Phường G, Quận M, Thành phố H.

Đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ: Bà Nguyễn Thị Phương K (theo Giấy ủy quyền ngày số 4752/UQ-PVB ngày 31/12/2019 và số

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 04 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ A trình bày:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ A (viết tắt là Công ty Bảo vệ A) ký Hợp đồng dịch vụ bảo vệ ba bên số 07A/HĐDV/PVB-CNHCM ngày 23/02/2017 với Công ty Trách nhiệm hữu hạn B (viết tắt là Công ty B) và Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (viết tắt là Ngân hàng Đ), sau đó ba bên ký các Phụ lục sửa đổi hợp đồng số PL01-07A/2017/HĐDV/PVB-CNHCM ngày 23/02/2017, số PL02-07A/2017/HĐDV/PVB-CNHCM ngày 14/11/2017 và số PL03-07A/2017/HĐDV/PVB-CNHCM ngày 30/10/2018.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng, Công ty B và Ngân hàng Đ đồng ý thuê Công ty Bảo vệ A cung cấp dịch vụ bảo vệ tài sản tại các địa điểm bảo vệ với mục đích theo dõi và quản lý tài sản tại địa điểm bảo vệ, không giới hạn về số lượng tài sản, tránh thất thoát, mất mát tài sản, giữ nguyên hiện trạng tài sản ban đầu. Tài sản có nghĩa là các tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bên thuê là bị đơn được sử dụng làm tài sản bảo đảm tại Ngân hàng Đ. Địa điểm bảo vệ cụ thể tại kho hàng nằm tại thửa đất số 6037, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại số 62/2, đường V, KP1, phường X, Quận Z, Thành phố H. Số vị trí bảo vệ là 01 vị trí, đơn giá 01 vị trí bảo vệ/tháng là 16.500.000 đồng (đã bao gồm VAT). Thời gian bảo vệ 24 giờ/ngày/vị trí và 07 ngày/tuần, kể cả ngày nghỉ, ngày lễ, tết. Theo khoản 2 Điều 3 của hợp đồng quy định bên thuê là bị đơn có trách nhiệm thanh toán phí dịch vụ bảo vệ cho nguyên đơn 01 tháng/lần trong khoảng thời gian từ ngày mùng 01 đến ngày mùng 10 của tháng kế tiếp và sau khi bên thuê nhận được giấy đề nghị thanh toán và hóa đơn tài chính hợp lệ do nguyên đơn phát hành.

Thực hiện hợp đồng, Công ty Bảo vệ A thực hiện công việc hoàn thành mỗi tháng như đã thỏa thuận và Công ty B thanh toán đúng tiến độ vào ngày 05 tây hàng tháng, từ tháng 4/2017 cho đến ngày 01/02/2019 (thanh toán khoản phí đến tháng 11 và tháng 12/2018). Từ sau ngày 01/02/2019 trở đi, nguyên đơn không nhận được khoản tiền phí nào từ bị đơn trả nữa. Cụ thể Công ty B còn nợ Công ty Bảo vệ A tiền phí dịch vụ bảo vệ từ tháng 01 đến tháng 07/2019, trong khi Công ty Bảo vệ A đã hoàn thành công việc bảo vệ từ tháng 01 đến ngày 10/7/2019 với tổng số tiền là 104.322.581 đồng và đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ theo quy định của Nhà nước như sau:

Phí dịch vụ bảo vệ tháng 01/2019, hóa đơn số 0001465 ngày 31/01/2019, số tiền 16.500.000 đồng;

Phí dịch vụ bảo vệ tháng 02/2019, hóa đơn số 0001596 ngày 28/02/2019, số tiền 16.500.000 đồng;

Phí dịch vụ bảo vệ tháng 03/2019, hóa đơn số 0001761 ngày 31/3/2019, số tiền 16.500.000 đồng;

Phí dịch vụ bảo vệ các tháng 04, 05, 06, 07 năm 2019, hóa đơn số 0002428 ngày 07/8/2019, số tiền 54.822.581 đồng (trong đó phí dịch vụ bảo vệ các tháng 04, 05, 06 năm 2019 mỗi tháng là 16.500.000 đồng, phí dịch vụ bảo vệ các tháng 07/2019 là 5.322.581 đồng).

Nguyên đơn đã nhiều lần nhắc và đòi nợ tiền phí dịch vụ bảo vệ nhưng bị đơn vẫn không thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ nêu trên. Sau đó, nguyên đơn gửi Biên bản xác nhận công nợ ngày 15/6/2019 cho bị đơn tính số nợ từ tháng 01/2019 đến tháng 06/2019 là 90.750.000 đồng và đại diện của Công ty B đã ký nhận văn bản trực tiếp có đóng dấu công ty nhưng vẫn không trả lời Công ty Bảo vệ A. Vì chưa thống nhất được thời gian giao lại kho hàng, với trách nhiệm nghề nghiệp, sau thời gian ngày 15/6/2019 nguyên đơn vẫn tiếp tục bảo vệ cho đến ngày 10/7/2019 nên chi phí dịch vụ bảo vệ phát sinh thêm là 13.572.281 đồng.

Sau khi bàn giao lại kho hàng và chốt công nợ cuối cùng là 104.322.581 đồng, nguyên đơn liên tục gọi điện và gửi công văn cho bị đơn đề nghị thanh toán thì đã nhận được phản hồi của bị đơn qua email có đính kèm công văn cam kết thanh toán số 1911/CV ngày 20/11/2019 của giám đốc Công ty B bằng email cuongph@tristar.com.vn, tên email Phạm Hùng Cường, chức vụ là nhân viên kế toán Công ty B, nội dung công văn cam kết thanh toán số tiền 104.322.581 đồng cho nguyên đơn theo thời hạn thanh toán như sau: Ngày 31/5/2020, thanh toán 30.000.000 đồng; ngày 30/6/2020, thanh toán 40.000.000 đồng; ngày 31/8/2020, thanh toán 34.322.581 đồng. Do thời hạn thanh toán bị đơn đề nghị không hợp lý với tình hình tài chính của nguyên đơn nên nguyên đơn đã phản hồi lại bằng công văn qua email cuongph@tristar.com.vn, đến nay nguyên đơn không nhận được phản hồi nào của bị đơn nữa.

Do đó, để bảo vệ lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Công ty Bảo vệ A khởi kiện Công ty B và yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền phí dịch vụ bảo vệ còn nợ là 104.322.581 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn B vắng mặt.

Đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ trình bày: Ngân hàng Đ xác nhận có ký Hợp đồng dịch vụ bảo vệ ba bên số 07A/HĐDV/PVB-CNHCM ngày 23/02/2017 và các Phụ lục sửa đổi hợp đồng số PL01-07A/2017/HĐDV/PVB-CNHCM ngày 23/02/2017, số PL02-07A/2017/HĐDV/PVB-CNHCM ngày 14/11/2017 và số PL03-07A/2017/HĐDV/PVB-CNHCM ngày 30/10/2018 với Công ty Bảo vệ A và Công ty B. Công ty B là bên vay và thế chấp cho Ngân hàng Đ kho hàng hóa tồn kho thiết bị gia dụng, Công ty B thuê Công ty Bảo vệ A cung cấp dịch vụ bảo vệ kho hàng trên. Ngân hàng Đ với tư cách là bên nhận thế chấp có quyền kiểm soát việc xuất/nhập tài sản trong kho hàng, giám sát quá trình thực hiện nhiệm vụ bảo vệ. Công ty B có nghĩa vụ thanh toán tiền thuê dịch vụ bảo vệ cho Công ty Bảo vệ A theo thỏa thuận trong hợp đồng nêu trên.

Tháng 02/2019, Công ty B chậm thanh toán phí bảo vệ cho nguyên đơn, đến cuối tháng 5/2019 Công ty B đã không còn quản lý kho hàng. Trước thực trạng như trên, tránh thất thoát tài sản, Ngân hàng Đ đã triển khai công tác quản lý, bảo vệ kho hàng song song cùng Công ty Bảo vệ A từ ngày 20/5/2019 đến tháng 7/2019 thì Công ty Bảo vệ A chấm dứt việc bảo vệ kho hàng. Hợp đồng dịch vụ bảo vệ ba bên số 07A/HĐDV/PVB-CNHCM ngày 23/02/2017 thỏa thuận bên thuê là Công ty B có trách nhiệm thanh toán phí dịch vụ bảo vệ cho Công ty Bảo vệ A 01 tháng/lần. Điểm 3.7, khoản 3, Điều 6 của hợp đồng nêu trên quy định mọi tranh chấp phát sinh hoặc có liên quan đến phí dịch vụ giữa Công ty Bảo vệ A và bên thuê là Công ty B, hai bên tự

giải quyết và không ảnh hưởng đến hiệu lực của hợp đồng này và quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng Đ. Do đó, Ngân hàng Đ không liên quan đến các tranh chấp giữa Công ty Bảo vệ A và Công ty B, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Ngân hàng Đ trình bày ngân hàng vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày như trên, ngân hàng xác nhận bị đơn còn nợ tiền phí dịch vụ bảo vệ của nguyên đơn nhưng ngân hàng không biết số nợ cụ thể là bao nhiêu.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, công văn cam kết thanh toán số 1911/CV vào ngày 20/11/2019 của bị đơn, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để triệu tập Công ty B tới Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng Công ty B không đến, do đó Tòa án không lấy lời khai của Công ty B cũng như không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Chúng Việt có mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo vệ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Công ty B đã ký hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo vệ với Công ty Bảo vệ A và Ngân hàng Đ theo như nội dung vụ án đã trình bày, bị đơn sử dụng dịch vụ bảo vệ nhưng chưa thanh toán hết phí dịch vụ bảo vệ cho nguyên đơn nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ A và Công ty Trách nhiệm hữu hạn B, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ ký hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo vệ, do đó có cơ sở xác định giữa các bên đương sự có giao kết hợp đồng kinh doanh thương mại, đây là tranh chấp hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo vệ. Do bị đơn sử dụng

dịch vụ bảo vệ nhưng chưa thanh toán hết tiền cho nguyên đơn nên Công ty Bảo vệ A khởi kiện.

Theo kết quả xác minh của Tòa án thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn B được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, công ty chưa đăng ký giải thể và có trụ sở tại Đường X, Khu dân cư L, Phường Z, quận G, Thành phố H, người đại diện theo pháp luật của công ty là bà Lê Thị Hồng T, giám đốc công ty. Do bị đơn Công ty B có trụ sở tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về người tham gia tố tụng: Bị đơn Công ty B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Công ty B. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Chúng Việt có mặt.

[2]. Về yêu cầu của các đương sự:

Đối với yêu cầu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ A, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng dịch vụ bảo vệ ba bên số 07A/HĐDV/PVB-CNHCM ngày 23/02/2017 và các Phụ lục sửa đổi hợp đồng số PL01-07A/2017/HĐDV/PVB-CNHCM ngày 23/02/2017, số PL02-07A/2017/HĐDV/PVB-CNHCM ngày 14/11/2017 và số PL03-07A/2017/HĐDV/PVB-CNHCM ngày 30/10/2018 được ký giữa Công ty Bảo vệ A với Công ty B và Ngân hàng Đ cho thấy việc giao kết hợp đồng dịch vụ bảo vệ nêu trên giữa các bên là có thật và trên cơ sở tự nguyện, nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, xét thời điểm giao kết, thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của Luật Thương mại năm 2005, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và 2019, cụ thể là khoản 1 Điều 74 quy định: *“Hợp đồng dịch vụ được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể”*; khoản 1 Điều 78 quy định trừ trường hợp có thỏa thuận khác, bên cung ứng dịch vụ có nghĩa vụ: *“Cung ứng các dịch vụ và thực hiện những công việc có liên quan một cách đầy đủ, phù hợp với thỏa thuận và theo quy định của Luật này”*; khoản 1 Điều 85 quy định trừ trường hợp có thỏa thuận khác, khách hàng có nghĩa vụ: *“Thanh toán tiền cung ứng dịch vụ như đã thỏa thuận trong hợp đồng”*.

Hội đồng xét xử nhận thấy giữa các bên đương sự trong vụ án đã thỏa thuận ký Hợp đồng dịch vụ bảo vệ ba bên số 07A/HĐDV/PVB-CNHCM ngày 23/02/2017 và các phụ lục sửa đổi hợp đồng nêu trên. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, Công ty B sử dụng dịch vụ bảo vệ của Công ty Bảo vệ A để bảo vệ các tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bên thuê là bị đơn được sử dụng làm tài sản bảo đảm tại Ngân hàng Đ, là kho hàng nằm tại thửa đất số 6037, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại số 62/2, đường V, KP1, phường X, Quận Z, Thành phố H. Số vị trí bảo vệ là 01 vị trí, đơn giá 01 vị trí bảo vệ/tháng là 16.500.000 đồng (đã bao gồm VAT). Bên thuê là bị đơn có trách nhiệm thanh toán phí dịch vụ bảo vệ cho nguyên đơn. Trong quá trình sử dụng dịch vụ bảo

vệ, thời gian đầu bị đơn thanh toán đúng tiến độ. Từ sau ngày 01/02/2019 trở đi, bị đơn không thanh toán phí dịch vụ bảo vệ cho nguyên đơn nữa. Cụ thể Công ty B còn nợ Công ty Bảo vệ A tiền phí dịch vụ bảo vệ từ tháng 01 đến tháng 07/2019, trong khi Công ty Bảo vệ A đã hoàn thành công việc bảo vệ từ tháng 01 đến ngày 10/7/2019 với tổng số tiền là 104.322.581 đồng và đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ theo quy định của Nhà nước. Do đó, bị đơn đã vi phạm khoản 2 Điều 3 của hợp đồng về phương thức thanh toán phí dịch vụ. Mặc dù, nguyên đơn đã nhiều lần gửi thông báo đề nghị thanh toán, biên bản xác nhận công nợ ngày 15/6/2019 và ngày 11/10/2019 cho bị đơn và đại diện của bị đơn đã trực tiếp ký nhận biên bản xác nhận công nợ ngày 15/6/2019 có đóng dấu công ty. Sau đó, nguyên đơn gửi công văn cho bị đơn đề nghị thanh toán thì đã nhận được phản hồi của bị đơn qua email có đính kèm công văn cam kết thanh toán số 1911/CV ngày 20/11/2019 của giám đốc Công ty B bằng email cuongph@tristar.com.vn, tên email Phạm Hùng Cường, chức vụ là nhân viên kế toán Công ty B, nội dung công văn cam kết thanh toán số tiền 104.322.581 đồng cho nguyên đơn theo thời hạn thanh toán, nguyên đơn đã phản hồi lại bằng công văn qua email cuongph@tristar.com.vn cho bị đơn nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán hết khoản phí dịch vụ bảo vệ cho nguyên đơn.

Ngân hàng Đ cũng thống nhất việc ký kết Hợp đồng dịch vụ bảo vệ ba bên số 07A/HĐDV/PVB-CNHCM ngày 23/02/2017 và các phụ lục sửa đổi hợp đồng nêu trên. Ngân hàng Đ xác nhận từ tháng 02/2019, Công ty B chậm thanh toán phí bảo vệ cho nguyên đơn, đến cuối tháng 5/2019 Công ty B đã không còn quản lý kho hàng. Trước thực trạng như trên, tránh thất thoát tài sản, Ngân hàng Đ đã triển khai công tác quản lý, bảo vệ kho hàng song song cùng Công ty Bảo vệ A từ ngày 20/5/2019 đến tháng 7/2019 thì Công ty Bảo vệ A chấm dứt việc bảo vệ kho hàng. Theo điểm 3.7, khoản 3, Điều 6 của hợp đồng nêu trên quy định mọi tranh chấp phát sinh hoặc có liên quan đến phí dịch vụ giữa Công ty Bảo vệ A và bên thuê là Công ty B, hai bên tự giải quyết và không ảnh hưởng đến hiệu lực của hợp đồng này và quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng Đ. Do đó, Ngân hàng Đ không liên quan đến các tranh chấp giữa Công ty Bảo vệ A và Công ty B, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngân hàng Đ xác nhận bị đơn còn nợ tiền phí dịch vụ bảo vệ của nguyên đơn nhưng ngân hàng không biết số nợ cụ thể là bao nhiêu.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt công văn cam kết thanh toán số 1911/CV ngày 20/11/2019 của bị đơn gửi qua email cuongph@tristar.com.vn cho nguyên đơn, Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ Công ty B để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đối chiếu khoản phí dịch vụ bảo vệ nhưng Công ty B đều vắng mặt không có lý do và cũng không nộp cho Tòa án chứng cứ, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản nợ 104.322.581 đồng nên xem như bị đơn đã từ bỏ quyền của mình, mặc nhiên thừa nhận còn nợ số tiền phí dịch vụ bảo vệ như nguyên đơn yêu cầu.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy do Công ty B vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Bảo vệ A nên nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu thu hồi lại số tiền phí dịch vụ bảo vệ bị đơn còn nợ là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cần buộc bị đơn Công ty B phải trả cho nguyên đơn số tiền phí dịch vụ bảo vệ còn nợ là 104.322.581 đồng; thanh toán một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Đến hạn thanh toán, bị đơn chưa

trả hết nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành toàn bộ khoản nợ trên để thu hồi nợ cho nguyên đơn.

Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Bảo vệ A.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí, lệ phí năm 2015, yêu cầu của Công ty Bảo vệ A được chấp nhận nên Công ty B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 5.216.129 đồng đối với khoản nợ mà Công ty B phải trả là 104.322.581 đồng.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí 3.000.000 đồng cho Công ty Bảo vệ A theo biên lai thu số AA/2019/0025291 ngày 18/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 177, Điều 179, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 74, khoản 1 Điều 78 và khoản 1 Điều 85 Luật Thương mại năm 2005, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và 2019;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ A.

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn B phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ A số tiền phí dịch vụ bảo vệ còn nợ là 104.322.581 (Một trăm linh bốn triệu ba trăm hai mươi hai nghìn năm trăm tám mươi một) đồng.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ A có đơn thi hành án, nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn B chưa trả hết số tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty Trách nhiệm hữu hạn B còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn B phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 5.216.129 (Năm triệu hai trăm mười sáu nghìn một trăm hai mươi chín) đồng đối với số tiền mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn B phải trả là 104.322.581 (Một trăm linh bốn triệu ba trăm hai mươi hai nghìn năm trăm tám mươi một) đồng.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ A được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 3.000.000 (Ba triệu) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0025291 ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3- Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ A và bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND quận Gò Vấp;
- Thi hành án DS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS (Hoa).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Tám

